**ĐÁP ÁN ĐỀ THI ĐỀ XUẤT**

**ĐỊA LÝ KHỐI 11**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **1** | ***Phân tích tác động của địa hình đến nhiệt độ. Tại sao biên độ nhiệt độ năm ở chí tuyến lớn hơn xích đạo?*** | **1.5** |
|  | ***\**** *Tác động của địa hình đến nhiệt độ:*  - Độ cao: trong tầng đối lưu càng lên cao nhiệt độ càng giảm vì càng lên cao, bức xạ mặt đất càng mạnh, không khí càng loãng,…  - Hướng phơi của sườn núi: sườn phơi nắng có nhiệt độ cao hơn sườn khuất nắng.  - Độ dốc: sườn đón nắng, độ dốc càng lớn thì nhiệt độ càng cao; Sườn khuất nắng, độ dốc càng lớn thì nhiệt độ càng thấp...  - Bề mặt địa hình:  + Nơi bằng phẳng biên độ nhiệt nhỏ hơn nơi đất trũng, vì nơi đất trũng ban ngày ít gió, nhiệt độ cao, ban đêm khí lạnh trên cao dồn xuống làm cho nhiệt độ hạ thấp.  + Trên mặt cao nguyên, không khí loãng hơn ở đồng bằng nên nhiệt độ thay đổi nhanh hơn.  *\* Biên độ nhiệt độ năm ở chí tuyến lớn hơn xích đạo vì*  - Thời gian chiếu sáng: Xích đạo có 6 tháng ngày, 6 tháng đêm nên nhiệt độ dao động trong năm không lớn; ở chí tuyến về mùa hạ có ngày dài hơn đêm, mùa đông có ngày ngắn hơn đêm nên sự chênh lệch nhiệt độ hai mùa trong năm lớn.  - Bề mặt đệm: Xích đạo: tỉ lệ diện tích đại dương nhiều hơn lục địa làm cho khả năng hấp thụ và tỏa nhiệt chậm hơn nên diễn biến dao động nhiệt độ trong năm điều hòa; chí tuyến có tỉ lệ diện tích đại dương ít hơn lục địa làm cho khả năng hấp thụ và tỏa nhiệt nhanh hơn nên chênh lêch nhiệt lớn trong năm. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***2*** | ***Giải thích tại sao sự phân bố đất và sinh vật từ xích đạo về cực không giống với sự phân bố từ chân núi lên đỉnh núi.*** | ***1.5*** |
|  | - Sự phân bố đất và sinh vật phụ thuộc chủ yếu phụ thuộc vào yếu tố khí hậu, chủ yếu do sự thay đổi nhiệt ẩm.  - Yếu tố nhiệt ẩm phụ thuộc vào nhiều nhân tố nên sự thay đổi theo vĩ độ không giống với sự thay đổi theo độ cao.  + Sự phân bố nhiệt từ xích đạo về 2 cực do sự thay đổi bức xạ mặt trời.  + Sự thay đổi nhiệt từ chân núi đến đỉnh núi chủ yếu do bức xạ mặt đất giảm dần theo đai cao.  + Sự phân bố ẩm theo vĩ độ và đai cao phụ thuộc trực tiếp hoặc gián tiếp vào sự phân bố nhiệt.  - Vì vậy sự thay đổi nhiệt ẩm theo đai cao liên tục, nhanh hơn so với sự thay đổi từ xích đạo về cực => thảm thực vật và đất khác nhau. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **II** | **1** | ***Tại sao nước là loại tài nguyên không bị hao kiệt nhưng con người vẫn phải sử dụng hợp lí?*** | ***1,0*** |
|  | - Nước là loại tài nguyên không bị hao kiệt do khối lượng nước rất lớn đến mức con người sử dụng không thể làm cho chúng cạn kiệt.  - Vẫn phải sử dụng hợp lí vì:  + Tài nguyên nước trên Trái đất phân bố không đều theo không gian và thời gian nên ở nhiều nơi con người vẫn phải đối mặt với tình trạng thiếu nước ngọt  + Do sử dụng chưa hợp lí nên chất lượng nước bị suy giảm, hiện tượng ô nhiễm nguồn nước diễn ra ở nhiều nơi  + Hậu quả: ảnh hưởng lớn tới sức khỏe và đời sống của con người | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | ***Tại sao ngành chăn nuôi có mức độ phân bố tập trung cao hơn ngành trồng trọt?*** | ***1,0*** |
|  | - Trồng trọt phụ thuộc nhiều hơn vào điều kiện tự nhiên đặc biệt là đất đai, khí hậu. Đất đai lại phân bố phân tán trong không gian.  - Chăn nuôi ít phụ thuộc vào đất đai hơn, có khả năng phát triển theo hình thức chuồng trại tập trung, trang trại công nghiệp, dễ đầu tư với quy mô lớn trên một đơn vị lãnh thổ. | 0,5  0,5 |
| **III** | **1** | ***Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích tác động của đặc điểm vị trí địa lí đến sinh vật nước ta.*** | ***1,5*** |
|  | - Khái quát đặc điểm vị trí địa lí nước ta: Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến của BCB, giáp biển Đông, trong khu vực hoạt động của gió mùa. Nơi giao thoa của các luồng di cư, di lưu sinh vật lớn trên thế giới.  - Ảnh hưởng của vị trí địa lí đến sinh vật:  + Nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa đã quy định giới sinh vật Việt Nam tiêu biểu cho sinh vật vùng nhiệt đới ẩm gió mùa (sinh vật miền nhiệt đới). (*Diễn giải đặc điểm hệ sinh thái, thành phần loài nhiệt đới)*  *+* Nằm ở nơi giao thoa của các luồng di cư sinh vật lớn là: luồng Himalaya, luồng Malaixia – In đô nê xi a và luồng Ấn Độ - Mianma nên sinh vật nước ta rất phong phú và đa dạng, ngoài sinh vật nhiệt đới còn có sinh vật ôn đới; sinh vật vùng cận xích đạo; sinh vật ưa nóng và khô  *+* Tiếp giáp với Biển Đông nên có loài sinh vật nước ngọt, nước lợ, nước mặn. | 0,25  0,5  0,5  0,25 |
| **2** | ***Tại sao tính nhiệt đới của sinh vật nước ta bị suy giảm?*** | **1,5** |
|  | - Tính phi nhiệt đới tăng lên:  + Thành phần sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế.  + Có các thành phần cận nhiệt đới, ôn đới, nhiệt đới khô, cận xích đạo.  - Tính nhiệt đới của sinh vật nước ta bị suy giảm do sự tác động đồng thời của nhiều nhân tố: vị trí địa lí, khí hậu, địa hình, con người.  - Vị trí địa lí: nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều loài thực vật, động vật *(diễn giải)*  - Khí hậu:  + Nhiệt đới ẩm gió mùa thành phần sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế.  + Khí hậu phân hóa đa dạng nên có các loài sinh vật cận nhiệt, ôn đới, nhiệt đới khô, cận xích đạo.  - Địa hình: địa hình chủ yếu là đồi núi làm cho khí hậu, thổ nhưỡng thay đổi theo độ cao do vậy sinh vật có sự phân hóa theo đai cao.  - Con người: nhập nội, lai tạo, khai thác quá mức. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **IV** | **1** | ***Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh so sánh địa hình đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.*** | ***1,5*** |
|  | \* Giống nhau:  - Kiểu địa hình: là 2 đồng bằng châu thổ do các hệ thống sông lớn bồi đắp  - Diện tích: đều là đồng bằng có diện tích lớn nhất.  - Độ cao: 0 – 50m.  - Hướng nghiêng: tây bắc – đông nam.  - Hình thái: bề mặt tương đối bằng phẳng, bị chia cắt bởi hệ thống sông ngòi.  \* Khác nhau:  - Vị trí nằm ở 2 miền tự nhiên khác nhau:  + ĐBSH thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.  + ĐBSCL thuộc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.  - Diện tích ĐBSCL có diện tích lớn hơn so với ĐBSH *(dẫn chứng).*  - Độ cao:  + ĐBSH có độ cao lớn hơn đặc biệt phía Bắc và phía Tây.  + ĐBCL có độ cao thấp hơn, bằng phẳng hơn.  - Hình thái:  + ĐBSH bị chia cắt thành nhiều ô và có nhiều ô trũng.  + ĐBSCL bị chia cắt bởi hệ thống sông ngòi chằng chịt.  - Hình dạng:  + ĐBSH có hình tam giác.  + ĐBSCL có hình thang | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | ***Giải thích tại sao thiên nhiên nước ta có sự phân hóa theo độ cao? Phân tích sự phân hóa theo đai cao của thiên nhiên vùng Tây Nguyên.*** | ***1,5*** |
|  | - Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa theo độ cao vì:  + Địa hình nước ta đa dạng, ngoài đồi núi thấp còn có địa hình cao trên 1000m, đặc biệt có khu vực địa hình trên 2000m.  + Nhiệt độ, độ ẩm, khí áp thay đổi theo độ cao làm khí hậu và các thành phần tự nhiên khác thay đổi.  + Thiên nhiên nước ta phân hóa thành 3 đai cao.  - Phân hóa đai cao vùng Tây Nguyên:  + Có 2 đai cao  + Đai nhiệt đới gió mùa (< 900 – 1000m) (dc)  + Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi (trên 900 – 1000m) (dc) | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **V** | **1** | ***Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nhận xét và giải thích về sự phân bố dân cư ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.*** | ***2,0*** |
|  | \* Nhận xét:  - Mật độ dân số của vùng thấp, thấp hơn mật độ dân số trung bình cả nước. (d/c)  - Phân bố không đều:  + Trong toàn vùng.  + Giữa đồng bằng ven biển với miền núi, gò đồi.  + Giữa thành thị và nông thôn  + Giữa các tỉnh và ngay trong một tỉnh.  - Phân bố dân cư có sự phân hóa rõ rệt giữa khu vực phía Đông và phía Tây. (diễn giải)  \* Giải thích: sự phân bố dân cư chịu tác động của nhiều nhân tố: trình độ phát triển kinh tế, điều kiện tự nhiên, tính chất nền kinh tế…  - Vùng có mật độ dân số thấp do kinh tế chậm phát triển (Diễn giải)  - Dân cư phân bố không đều do sự phân hóa của các điều kiện về tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế trong vùng, vị trí thuận lợi hay không.... (phân tích) | 0,25  1,00  0,25  0,50 |
| **2** | ***Tại sao tỉ lệ dân thành thị của nước ta không ngừng tăng lên nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều so với tỉ lệ dân nông thôn?*** | ***1,00*** |
|  | - Tỉ lệ dân thành thị không ngừng tăng, vì:  + Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa đang được đẩy mạnh;  + Đô thị là nơi tập trung nhiều cơ sở kinh tế, cơ sở hạ tầng phát triển, chất lượng cuộc sống cao, điều kiện sống tốt hơn… nên thu hút đông đảo dân cư từ nông thôn; sự thay đổi về chức năng, đơn vị hành chính nên quy mô các đô thị được mở rộng.  - Tỉ lệ dân thành thị vẫn thấp hơn nhiều so với nông thôn, vì:  + Trình độ công nghiệp hóa; đô thị hóa thấp, tốc độ đô thị hóa chưa cao.  + Xuất phát điểm của nước ta thấp, đi lên từ nền nông nghiệp lạc hậu… nên dân cư sinh sống chủ yếu ở nông thôn. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **VI** | **1** | ***So sánh và giải thích sự khác nhau về sản phẩm chuyên môn hóa cây công nghiệp lâu năm giữa vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.*** | **1,5** |
|  | - So sánh sự khác nhau:  + TDMNBB: kém đa dạng hơn, chủ yếu là cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt đới (chè, trẩu, sở, hồi…). Sản phẩm chuyên môn hóa chủ đạo là cây chè, diện tích trồng chè lớn nhất cả nước.  + TN: đa dạng hơn: cây công nghiệp nhiệt đới và cận nhiệt đới (cà phê, cao su, chè…). Sản phẩm chuyên môn hóa chủ đạo là cây cà phê chiếm hơn 80% diện tích và sản lượng cà phê của của cả nước.  - Giải thích:  + TDMNBB có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh nhất so với các vùng khác; sự phân hóa thiên nhiên theo đai cao cũng thể hiện rõ rệt nhất, chủ yếu là đất feralit phát triển trên đá phiến, đá vôi và các loại đá mẹ khác.  + Tây Nguyên có khí hậu cận xích đạo gió mùa nhưng có sự phân hóa theo độ cao, xuất hiện khí hậu cận nhiệt đới gió mùa trên núi, diện tích đất badan lớn. | 0,5  0,5  0,25  0,25 |
| **2** | ***Giải thích nguyên nhân dẫn đến sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế của nước ta. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta?*** | ***1,5*** |
|  | - Nguyên nhân:  + Cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II, III do đường lối Đổi mới phát triển nền kinh tế đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.  + Cơ cấu thành phần kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng khu vực nhà nước, tăng tỉ trọng khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài do đường lối phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, nước ta gia nhập WTO.  + Cơ cấu lãnh thổ thay đổi do nước ta đẩy mạnh sự phân công lao động theo lãnh thổ, phát triển nền sản xuất hàng hóa, chính sách đầu tư.  - Ý nghĩa:  + Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh sự phân công lao động.  + Tạo việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống.  + Khai thác có hiệu quả các thế mạnh của đất nước, hội nhập với khu vực và thế giới. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **VII** | **1** | ***Nhận xét và giải thích sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 - 2021.*** | ***2,0*** |
|  | *\* Nhận xét:* Giai đoạn 2010 - 2021, sản lượng thủy sản, sản lượng khai thác, sản lượng nuôi trồng tăng nhưng tốc độ tăng khác nhau.  - Tổng sản lượng thủy sản tăng *(dẫn chứng).*  + Sản lượng thủy sản khai thác tăng, tăng ít hơn, tăng chậm hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng *(dẫn chứng).*  + Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng, tăng nhiều hơn, tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản khai thác *(dẫn chứng).*  - Cơ cấu sản lượng thủy sản:  + Tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác nhỏ hơn nuôi trồng *(dẫn chứng).*  + Tăng tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng, giảm tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác *(dẫn chứng).*  *\* Giải thích:*  - Sản lượng thủy sản nước ta liên tục tăng nhanh do  + Đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ và nuôi trồng thủy sản  + Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi *(diễn giải)*, nhất là thị trường xuất khẩu mở rộng  - Sản lượng thủy sản khai thác tăng do nguồn lợi thủy sản giàu có với nhiều bãi cá, bãi tôm, ngư trường trọng điểm; hiện đại hóa tàu thuyền ngư cụ, đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ  - Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng do sử dụng giống mới, cải tiến kĩ thuật nuôi trồng, phát triển dịch vụ nuôi trồng thủy sản  - Tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng do tốc độ tăng sản lượng thủy sản nuôi trồng nhanh hơn khai thác; nuôi trồng thủy sản chủ động hơn khai thác thủy sản về đối tượng, chất lượng, sản lượng, đáp ứng kịp thời các nhu cầu của thị trường, có diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn,….  - Tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác giảm do tốc độ tăng sản lượng thủy sản khai thác chậm hơn nuôi trồng, khai thác thủy sản kém chủ động hơn nuôi trồng vì phụ thuộc vào nguồn lợi thủy sản, điều kiện tự nhiên… | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | ***Giải thích tại sao hiện nay nước ta đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản?*** | ***1,0*** |
|  | - Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động nuôi trồng thủy sản (diễn giải).  - Thủy sản nuôi trồng đem lại hiệu quả kinh tế cao (tính chủ động trong sản xuất hàng hóa, tính chọn lọc sản phẩm có giá trị …), là mặt hàng xuất khẩu chủ lực.  - Phát triển thủy sản nuôi trồng góp phần đắc lực trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản tự nhiên (đặc biệt thủy sản ven bờ…); chính sách khuyến khích phát triển hoạt động nuôi trồng thủy sản của Nhà nước…  - Thị trường được mở rộng (trong nước và quốc tế, đặc biệt thâm nhập được vào các thị trường lớn…). | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **7 câu** |  | **Tổng** | **20 điểm** |